

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/10/2024

“ V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua  
2. Bà Nguyễn Thị Sương*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không tham gia phiên tòa.*

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số: 342/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị Bạch H1**, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Tôi và bà Đặng Thị Bạch H1 qua mai mối được cha mẹ hai bên chấp thuận, tới tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1978, không có đăng ký kết hôn.*

Sau khi kết hôn tôi và vợ chung sống tại ấp F, xã L, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài, đến đầu năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung. Nhiều lần tôi và bà H1 ngồi lại nói chuyện với nhau để vợ chồng đoàn tụ, cùng chí thú làm ăn chăm lo cho gia đình, nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2013 tôi và bà H1 sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Bạch H1.

Về con chung: vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H2, sinh ngày 01/5/1990, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/7/1995, đã trưởng thành có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ phải thu phải trả: không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Đặng Thị Bạch H1, về tài sản chung, nợ chung phải trả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Thị Bạch H1 vắng mặt không rõ lý do.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “xin ly hôn” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Đặng Thị Bạch H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Bạch H1 kết hôn tự nguyện chung sống, tuy không có đăng ký kết hôn, nhưng ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978, không vi phạm các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông, bà nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, ông và bà H1 đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2013 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Bạch H1.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H1 đều vắng mặt không có lý do, bà H1 không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định của Tòa án, thể hiện bà H1 từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Ông, bà đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông H được ly hôn với bà H1 là phù hợp.

[3] Về Con chung: vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H2, sinh ngày 01/5/1990, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/7/1995, đã trưởng thành có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; 228; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Đặng Thị Bạch H1.

2. Về nuôi con chung: đã trưởng thành không yêu cầu, nên không xem xét.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Bình;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Linh**

